

Bản án số: **83/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 26/9/2024

Về việc: “Không công nhận quan hệ vợ
chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh Uyên và bà Đinh Thị Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Tiến Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 403/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Anh **Trịnh Văn D**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh D1 và chị H đều có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H về chung sống với nhau từ cuối năm 1990 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi về chung sống với nhau anh chị chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh chị về sinh sống làm việc tại thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống hạnh phúc được vài năm đầu, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình, suy nghĩ không hiểu nhau, vợ chồng thiếu lòng tin vào nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Trịnh

Văn D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) với chị Nguyễn Thị H.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Trịnh Văn D trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình, suy nghĩ không hiểu nhau, vợ chồng thiếu lòng tin vào nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi nhau, xích mích. Hiện nay anh và chị H đang sống ly thân. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh với chị Nguyễn Thị H chưa có đăng ký kết hôn chỉ về chung sống như vợ chồng nên yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Tại Bản tự khai, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình, suy nghĩ không hiểu nhau, anh D ham chơi không chịu khó làm ăn kinh tế gia đình, anh D đi theo người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi nhau, xích mích. Hiện nay anh chị đang sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Trịnh Văn D do anh chị chưa có đăng ký kết hôn mà chỉ về chung sống như vợ chồng.

- Về con chung: Anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H có 01 người con chung là Trịnh Hoàng Tuấn V, sinh ngày 18/01/1991. Quá trình giải quyết anh D và chị H cùng có quan điểm cháu V đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, đất đai chung: Anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kết quả xác minh thể hiện: Anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị về chung sống với nhau từ năm 1990 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh chị sinh sống làm việc tại thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, có to tiếng cãi vã, xích mích. Hiện nay anh D và chị H đang sống ly thân. Tại sổ đăng ký kết hôn do UBND xã S lưu trữ từ trước tới nay không có tên anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, hiện anh chị đang sống

ly thân. Do anh chị không đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã theo quy định nên xác định hôn nhân của anh chị không hợp pháp. Căn cứ vào Điều 8, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng; Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Theo đơn khởi kiện thể hiện anh Trịnh Văn D đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng; không đề nghị giải quyết về con chung, tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H về chung sống với nhau từ năm 1990 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng. Theo kết quả xác minh thể hiện tại sổ đăng ký kết hôn do UBND xã S lưu trữ từ trước đến nay không có tên anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn. Căn cứ kết quả xác minh và lời khai của các đương sự xác định hôn nhân của anh D và chị H không đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”. Như vậy, anh D và chị H sống với nhau từ năm 1990 đến nay không có đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 8, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên

bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H.

[3]. Về con chung: Anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H có 01 người con chung là cháu Trịnh Hoàng Tuấn V, sinh ngày 18/01/1991 đã trưởng thành các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản, đất đai chung: Anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vay nợ chung: Anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Trịnh Văn D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 144; 147; 227; 228; 266; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8; 14; 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trịnh Văn D và chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh Trịnh Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001486 ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương và Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001777807, ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Công ty cổ phần T. Anh Trịnh Văn D đã nộp đủ án phí của vụ án.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã S (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Chiến

